

Bản án số: 15/2018/HS-ST

Ngày: 12/03/ 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Nguyễn Thái Bảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành, thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hoàn, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn C, sinh năm 1955; nơi sinh: xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm 7B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: xóm 2A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V (đã chết) và bà Bùi Thị B; có vợ: Trần Thị N và 04 con;

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/11/2017 đến ngày 23/12/2017 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn B, sinh năm 1987; nơi sinh: xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: thôn 17, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị B; có vợ Nguyễn Thị L và 01 con.

Tiền sự: không. Tiền án: bị cáo có 01 tiền án tại bản án số 36/2016/HSST ngày 15/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình xử phạt Phạm Văn B 07 triệu đồng về tội “Đánh bạc”. Ngày 26/12/2016 Phạm Văn B đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/11/2017 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa.

3. Đỗ Văn H, sinh năm 1994; nơi sinh: xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: thôn 4B,

xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Đức T và bà Trịnh Thị C; vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không. Tiền sử: Ngày 30/01/2012 bị Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi Cố ý gây thương tích. Ngày 24/5/2012 Đỗ Văn H đã chấp hành xong quyết định xử phạt.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Văn H2, sinh năm 1990; Nơi sinh: xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị D; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/11/2017 đến ngày 30/12/2017 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Có mặt tại phiên tòa.

5. Phạm Sỹ K, sinh năm 1979; giới tính: nam; Nơi sinh: xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Sỹ T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ Bùi Thị X và 02 con.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/11/2017 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa.

6. Phạm Văn Đ, giới tính: nam, sinh năm 1960; Nơi sinh: xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/10; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn C (đã chết) và bà Phạm Thị Đ; có vợ Nguyễn Thị O và 04 con.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Hồng T, giới tính: nam, sinh năm 1981; Nơi sinh: xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: thôn A, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình L (đã chết) và bà Đình Thị H; có vợ Đàm Thị D và 02 con.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn N; trụ sở tại số nhà 297, đường T, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc S, giám đốc công ty.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1977; địa chỉ: phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình là đại diện theo ủy quyền, vắng mặt.

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn C; trụ sở chính: số nhà 8, tổ 1, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Đại diện theo pháp luật: ông Tạ Văn C, giám đốc công ty, vắng mặt.

+ Anh Trần Văn K, sinh năm 1998; nơi cư trú: xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Văn T, sinh 1967; nơi cư trú: xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá, vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Trần Văn L, sinh năm 1980; nơi cư trú xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; Vắng mặt

+ Chị Trần Thị N, sinh năm 1962; nơi cư trú: xóm 2A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 14/11/2017 tại quán ăn và kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ của Trần Văn C ở xóm 2A, xã L, huyện K, do là khách quen, đến ăn cơm và nghỉ ngơi, trong lúc ngồi uống nước Trần Văn C rủ Phạm Văn B; Đỗ Văn H; Nguyễn Hồng T; Phạm Văn Đ; Trần Văn H2; Phạm Sỹ K đánh bạc bằng hình thức đánh “Liêng”, khi được mọi người đồng ý, C lấy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân có sẵn ở nhà mình rồi cùng Đ, B, H, T, H2, K lên phòng nghỉ số 202 của nhà C và thống nhất với nhau đặt gà 10.000đ, tổ cao nhất là 50.000đ và bắt đầu đánh bạc từ khoảng 13 giờ ngày 14/11/2017 liên tục đến 14 giờ 15 phút cùng ngày thì bị Công an huyện K phối hợp với công an xã L bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: thu tại chiếu bạc số tiền 4.045.000đ; thu giữ trên người các đối tượng 60.350.000đ, trong đó: B 53.950.000đ; K 1.000.000đ; H 5.000.000đ; Đ 400.000đ. Ngoài ra, Cơ quan CSĐT còn thu giữ 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu trúc, 07 điện thoại di động các loại đã qua sử dụng, 01 xe ô tô tải nhãn hiệu KIA màu xanh BKS 35C - 015.79; 01 xe ô tô tải nhãn hiệu FOTON -THACO màu trắng BKS 35C - 042.88; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH BKS 36G1-258.52; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh BKS 35B1-720.48.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc là 11.845.000đ. Trong đó Trần Văn C 400.000đ, Đỗ Văn H 6.000.000đ, Phạm Văn B 2.080.000đ, Trần Văn H2 1.200.000đ, Phạm Sỹ K 1.160.000đ, Phạm Văn Đ 550.000đ và Nguyễn Hồng T 455.000đ.

Trong quá trình điều tra các vật chứng là xe ô tô tải nhãn hiệu KIA màu xanh BKS 35C - 015.79 là của công ty trách nhiệm hữu hạn N có trụ sở tại

phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình giao cho bị cáo T lái đi giao hàng; xe ô tô tải nhãn hiệu FOTON -THACO màu trắng BKS 35C - 042.88 và số tiền 50.600.000đ là của công ty trách nhiệm hữu hạn C có trụ sở tại phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình giao cho Phạm Văn B và Đỗ Văn H lái đi giao hàng và thu tiền hàng; xe mô tô nhãn hiệu Honda SH BKS 36G1-258.52 là của anh Trần Văn K do bị cáo H2 mượn đi không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra công an huyện K đã trả lại cho các chủ sở hữu.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh BKS 35B1-720.48 thu giữ từ bị cáo K nhưng chưa xác định được chủ sở hữu chính thức, cơ quan công an huyện K tách riêng làm rõ xử lý sau.

Đối với số tiền 1.950.000đ là tiền lương của Phạm Văn B không liên quan đến vụ án được chuyển cùng 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu trúc, 07 điện thoại di động các loại đã qua sử dụng cho chi cục thi hành án huyện K quản lý.

Bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 29/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Sơn đã truy tố các bị cáo Trần Văn C, Phạm Văn B, Đỗ Văn H, Trần Văn H2, Phạm Sỹ K, Phạm Văn Đ và Nguyễn Hồng T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo nội dung cáo trạng và đề nghị HĐXX:

-Tuyên bố: Trần Văn C, Phạm Văn B, Đỗ Văn H, Trần Văn H2, Phạm Sỹ K, Phạm Văn Đ và Nguyễn Hồng T phạm tội “Đánh bạc”.

-Áp dụng: khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999; điểm h, p khoản 1 đối các bị cáo Trần Văn C, Phạm Văn B, Đỗ Văn H, Trần Văn H2, Phạm Sỹ K, Phạm Văn Đ và Nguyễn Hồng T.

Bị cáo Phạm Văn B không được áp dụng điểm , khoản 1 Điều 46 và bị áp dụng thêm điểm g, khoản 1, điều 48, BLHS 1999; bị cáo K áp dụng thêm khoản 2, Điều 46 BLHS năm 1999.

Các bị cáo B, C, K áp dụng thêm khoản 5 Điều 248 BLHS năm 1999

- Xử phạt:

+ Bị cáo Trần Văn C 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 đến 18 tháng, giao bị cáo cho UBND xã L huyện K cùng gia đình bị cáo có trách nhiệm giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; phạt bổ sung bị cáo từ 03 đến 05 triệu đồng.

+ Bị cáo Phạm Văn B từ 04 đến 06 tháng tù , thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2017; phạt bổ sung bị cáo từ 3-5 triệu đồng.

+ Bị cáo Phạm Sỹ K từ 04 đến 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2017; phạt bổ sung bị cáo từ 3-5 triệu đồng.

+ Bị cáo Đỗ Văn H 10 đến 12 triệu đồng

+ Bị cáo Trần Văn H2, Phạm Văn Đ và Nguyễn Hồng T 08 đến 10 triệu đồng

- Các biện pháp tư pháp: căn cứ Khoản 2, Điều 106; khoản 2, Điều 136 BLTTHS năm 2015; Nghị Quyết 326/2016/ NQUBTVQH14.

+ Trả lại cho các bị cáo 07 điện thoại nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Văn B số tiền 1.950.000đ, nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

+ Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện K; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên các bị cáo đã khai nhận hành vi của mình đã thực hiện chiều ngày 16/11/2017 như tóm tắt nội dung vụ án của tòa án đã nêu trên . Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa hôm nay như: biên bản vi phạm hành chính lập hồi 14 giờ 15 phút ngày 14/11/2017, lời khai của người làm chứng và vật chứng thu giữ là số tiền 11.845.000đ và dụng cụ dùng để đánh bạc là bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

[3] Từ những chứng cứ đó, đã có đầy đủ cơ sở kết luận bằng hình thức chơi “Liêng” được thua bằng tiền có giá trị 11.845.000đ đồng của các bị cáo Trần Văn C, Phạm Văn B, Đỗ Văn H, Trần Văn H2, Phạm Sỹ K, Phạm Văn Đ và Nguyễn Hồng T đã phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 điều 248 BLHS.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rất rõ việc rủ rê, tụ tập, đánh bạc là vi phạm pháp luật; song để thỏa mãn nhu cầu sát phạt nhau bằng tiền và hưởng lợi từ việc làm trái pháp luật đó, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội vì vậy cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo, đặc biệt là các bị cáo giữ vai trò chính nhằm răn đe phòng ngừa chung đồng thời ngăn chặn loại hình đánh bạc này lan rộng.

[5] Trong vụ án này HĐXX thấy tuy có đông bị cáo tham gia nhưng không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ mà chỉ đồng phạm mang tính giản đơn; Nên để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh trong đồng lối xét xử cần phân tích rõ vị trí, vai trò, mức độ phạm tội của

từng bị cáo; đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp với tính chất mức độ phạm tội mà từng bị cáo gây ra:

[6] Bị cáo Trần Văn C tuy có số tiền sử dụng đánh bạc ít nhất nhưng là chủ nhà đồng thời là người chủ động rủ rê các bị cáo khác tham gia đánh bạc và tham gia đánh bạc từ đầu giữ vai trò thứ nhất trong vụ án nên hình phạt phải cao hơn các bị cáo còn lại.

[7] Bị cáo Phạm Văn B đã xử phạt 07 triệu đồng về tội “đánh bạc”, chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội mới tính chất mức độ của hành vi phạm tội tuy thấp hơn bị cáo C nhưng cao hơn các bị cáo khác mức hình phạt phải cao hơn các bị cáo còn lại và cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc hơn.

[8] Đối với bị cáo Phạm Sỹ K là người ngoại tỉnh không hề quen biết các đồng phạm tham gia đánh bạc còn lại, khi được bị cáo C rủ đánh bạc đã tham gia ngay thể hiện việc tích cực phạm tội, do đó mức hình phạt thấp hơn bị cáo C và B nhưng cao hơn các bị cáo còn lại.

[9] Bị cáo Đỗ Văn H tham gia đánh bạc với vai trò thứ yếu cùng với các bị cáo còn lại, nhưng khi phạm tội bị cáo sử dụng số tiền lớn nhất để tham gia đánh bạc nên mức hình phạt chỉ thấp hơn các bị cáo C, B, K.

[10] Các bị cáo Trần Văn H2, Phạm Văn Đ và Nguyễn Hồng T tham gia chơi bạc với số tiền ít giữ vai trò sau cùng thấp hơn so với ba bị cáo đầu vụ là C, B, H nhưng cũng phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình và hình phạt là như nhau.

[11] Khi Hội đồng xét xử thấy: các bị cáo khi bị phát hiện thành khẩn khai báo, tại phiên tòa tỏ thái độ ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 BLHS. Trừ bị cáo Phạm Văn B, các bị cáo còn lại đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm h khoản 1 điều 46 BLHS. Bị cáo B còn có tình tiết tăng nặng “ tái phạm “ quy định tại điểm g, khoản Điều 46 BLHS. Bị cáo K còn có bố và mẹ là người có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, Điều 46 BLHS năm 1999.

[12] Đối với bị cáo Trần Văn C, căn cứ nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội quy định tại nghiêm trị với người chủ mưu, cầm đầu, cố ý gây hậu quả nghiêm trọng nên cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 và nhân thân tốt đủ điều kiện áp dụng điều 60 BLHS khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo thành người công dân có ích. Ngoài hình phạt chính cần áp dụng khoản 5 Điều 248 BLHS năm 1999 áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo để tăng tính răn đe đối với bị cáo.

[13] Đối với bị cáo Phạm Văn B phạm tội trong trường hợp “tái phạm” tính nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo cho xã hội cao hơn cần phải phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc hơn, việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối

với bị cáo là phù hợp; ngoài hình phạt tù cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 248 BLHS năm 1999 mới đủ giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật đối với từng hành vi phạm tội.

[14] Đối với bị cáo Phạm Sỹ K mặc dù có vai trò thứ yếu trong vụ án nhưng bị cáo còn có hành vi sử dụng xe mô tô không rõ nguồn gốc, để đảm bảo cho việc điều tra xét xử vụ án cũng như làm rõ nguồn gốc chiếc xe bị cáo sử dụng Cơ quan công an huyện K tạm giam bị cáo có căn cứ. Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là phù hợp. Ngoài hình phạt chính cần áp dụng khoản 5 Điều 248 BLHS năm 1999 áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo để tăng tính răn đe đối với bị cáo.

[15] Xét tính chất mức độ phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo Trần Văn H2, Đỗ Văn H, Phạm Văn Đ và Nguyễn Hồng T, như đã phân tích ở trên, chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cho các bị cáo cũng đủ cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

[16] Đối với số tiền 11.840.000 đồng đã thu giữ, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được số tiền đó dùng vào việc đánh bạc và do đánh bạc mà có do đó cần tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền này.

[17] Đối với 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu trúc, là công cụ phạm tội của các bị cáo và là vật chứng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[18] Đối với 07 điện thoại di động các loại đã qua sử dụng của các bị cáo không liên quan đến việc đánh bạc căn cứ điều 41 BLHS năm 1999 và Điều 106 BLTT HS năm 2015 cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

[19] Đối với xe ô tô tải nhãn hiệu KIA màu xanh BKS 35C - 015.79; xe ô tô tải nhãn hiệu FOTON -THACO màu trắng BKS 35C - 042.88; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH BKS 36G1-258.52; số tiền 50.600.000đ cùng hàng hóa trên xe cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định tại điều 106 BLTTHS năm 2015 là phù hợp, các chủ sở hữu không có ý kiến và yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[20] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh BKS 35B1-720.48 thu giữ từ bị cáo K nhưng chưa xác định được chủ sở hữu chính thức, cơ quan công an huyện K tách riêng làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[21] Đối với số tiền 1.950.000đ ứng lương của bị cáo Phạm Văn B không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

[22] Về án phí: căn cứ điều 136 BLTTHS năm 2015, Nghị Quyết 326/2016/ NQUBTVQH14; buộc các bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[21] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, Điều 248; các điểm h, p, khoản 1,2 Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48; khoản 1, Điều 41, 42 BLHS năm 1999.

Khoản 2, Điều 106; khoản 2, Điều 136 BLTTHS năm 2015; Nghị Quyết 326/2016/NQUBTVQH14

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn C, Phạm Văn B, Nguyễn Sỹ K, Trần Văn H2, Đỗ Văn H phạm tội “Đánh bạc”.

2. Xử phạt:.

+ Bị cáo Trần Văn C 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng, giao bị cáo cho UBND xã L huyện K cùng gia đình bị cáo có trách nhiệm giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 05 triệu đồng sung ngân sách.

+ Bị cáo Phạm Văn B 03 (ba) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày tù , thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2017; phạt bổ sung bị cáo từ 05 triệu đồng. sung ngân sách

+ Bị cáo Phạm Sỹ K 03 (ba) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2017. Phạt bổ sung bị cáo từ 05 triệu đồng sung ngân sách

+ Bị cáo Đỗ Văn H 10 triệu đồng sung ngân sách

+ Bị cáo Trần Văn H2, Phạm Văn Đ và Nguyễn Hồng T 08 triệu đồng sung ngân sách.

3. Xử lý vật chứng: Trả lại cho các bị cáo 07 điện thoại nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn B số tiền 1.950.000đ, nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu trúc

(chi tiết vật chứng như trong biên bản bàn giao vật chứng giữa cơ quan điều tra và chi cục thi hành án dân sự huyện K ngày 29/12/2017)

4. Án phí: buộc các bị cáo Trần Văn C, Phạm Văn B, Nguyễn Sỹ K, Trần Văn H, Đỗ Văn H mỗi phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án trong ứng thời gian chờ thi hành án theo quy định tại điều 357 và 468 BLDS.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND xã N, L, Y,
N, K, T, Y;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh